

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG THÁI



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Tên Sáng kiến:

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TẬP
MÔN TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 4
(KẾT NỐI TRI THỨC)**

Tên Tác giả: Lê Thị Hường

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Đồng Thái

Chức vụ: Giáo viên - Tổ trưởng tổ 4

Năm học: 2023- 2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến:

Trong xã hội hiện nay, mọi người đều quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, việc đào tạo một thế hệ học sinh trong thời kì mới đòi hỏi rất nhiều yếu tố. Trong thực tế đã có rất nhiều giải pháp đưa ra. Để giáo dục trở nên hiệu quả hơn, không chỉ cần có nội dung giảng dạy chất lượng, mà còn cần phải thay đổi cách tiếp cận, phương pháp dạy học, sao cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu và khả năng của học sinh. Đặt học sinh làm trung tâm không chỉ đơn thuần là để các em theo dõi và lắng nghe giáo viên giảng bài. Điều này mang ý nghĩa rộng hơn rất nhiều, giáo viên cần phải lắng nghe, hiểu biết, và đáp ứng đúng đắn đến nhu cầu, mong muốn, sở thích và khả năng của từng học sinh. Từ đó, mỗi bài giảng, mỗi hoạt động trong lớp học đều như một cơ hội để khơi dậy niềm yêu thích, đam mê học tập và phát triển những kỹ năng, phẩm chất cần thiết cho học sinh.

Môn Tiếng Việt ở bậc Tiểu học có vị trí quan trọng trong việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt cần thực hiện phù hợp với tiến trình nhận thức của các em (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó), chú ý nhu cầu, năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân học sinh; tổ chức các hoạt động giáo dục trong đó học sinh được tham gia trực tiếp vào quá trình hình thành, tiếp thu kiến thức.

Khi đổi mới phương pháp dạy học, giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức một cách khô khan, mà còn phải tạo ra một môi trường học tập tích cực, sáng tạo, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về đạo đức, tri thức và kỹ năng cho học sinh của mình. Vậy đâu mới là cách thức đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Việt hiệu quả?

Xuất phát từ cơ sở trên, tôi quyết định tập trung nghiên cứu đề tài: ***Một số giải pháp nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4 (Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)***. Với đề tài này, tôi hy vọng sẽ mang đến những thay đổi tích cực cho các em học sinh trong quá trình học tập môn Tiếng Việt.

2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến:

- Mục tiêu của đề tài là tìm ra các biện pháp nhằm tổ chức hoạt động nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4 theo bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống.

-Đổi mới phương pháp dạy học để giúp học sinh phát triển năng lực, trí tuệ sáng tạo của mình tạo hứng thú học tập cho học sinh trong quá trình giảng dạy môn Tiếng Việt.

-Đổi mới phương pháp dạy học giúp giáo viên quan tâm đến học sinh nhiều hơn, định hướng cho việc học của học sinh trở nên dễ dàng hơn.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

+ **Thời gian thực hiện đề tài.**

Năm học 2023 - 2024

+ **Đối tượng nghiên cứu.**

- Học sinh lớp 4C trường Tiểu học Đồng Thái.

- Các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4.

+ **Phạm vi nghiên cứu.**

- Trong chương trình Tiếng Việt 4

-Tìm ra các giải pháp để nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh đạt kết quả tốt hơn.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN.

1. Hiện trạng vấn đề:

Với phương pháp giảng dạy truyền thống khi dạy môn Tiếng Việt, chủ yếu tập trung vào việc giảng giải lý thuyết, ít có sự tương tác giữa giáo viên và học sinh hoặc không khích lệ học sinh tham gia tích cực vào quá trình học. Dẫn đến hiệu quả học tập của học sinh không được nâng cao. Học sinh thường thụ động, còn mất tập trung trong giờ học. Giáo viên dễ bị lạc hướng bởi các yếu tố từ môi trường xung quanh, không hứng thú với nội dung bài giảng. Điều này dẫn đến khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh trong môn Tiếng Việt bị hạn chế. Khả năng

giao tiếp của học sinh trong lớp còn kém, khi được gọi lên đọc bài học, trả lời câu hỏi các em còn tự ti, rụt rè. Một số phụ huynh chưa thực sự nhận biết tầm quan trọng của việc học tập, đặc biệt là môn Tiếng Việt đối với con em mình, thiếu hiểu biết, coi nhẹ giáo dục.

Trong mục tiêu giáo dục Tiểu học, môn Tiếng Việt có vị trí, vai trò rất quan trọng, góp phần tích cực trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, trau dồi những tri thức về cuộc sống và bồi dưỡng vốn văn học cho học sinh. Ngoài ra nó còn nhằm nâng cao năng lực trí tuệ, đồng thời rèn luyện cho các em khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ. Bên cạnh đó, phân môn kể chuyện còn giúp các em phát triển các năng lực tư duy cơ bản như: Trí tưởng tượng, óc phán đoán, khả năng ghi nhớ, năng khiếu thẩm mỹ, hình thành ở trẻ em nhiều phẩm chất tốt đẹp, rất cần thiết cho nhu cầu phát triển ở lứa tuổi này. Cùng với các môn học khác, môn Tiếng Việt góp phần hình thành nhân cách rất lớn cho học sinh, nó mở mang sự hiểu biết cho các em. Các em được học hỏi những điều hay, lẽ phải từ rất nhiều các câu chuyện, thuộc nhiều thể loại chuyện khác nhau, phản ánh đa dạng cuộc sống muôn hình muôn vẻ trong đó có cả những câu chuyện dân gian như: Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười mà ông cha ta đã đúc kết kinh nghiệm trong cuộc sống để truyền lại cho con cháu đời sau.

Vậy làm thế nào để học sinh có thể đón nhận kiến thức Tiếng Việt một cách hứng thú nhất? Đây chính là vấn đề trăn trở của rất nhiều thầy cô giáo. Đối với học sinh Tiểu học, đặc biệt là học sinh lớp 4, đây là giai đoạn mà trẻ phát triển toàn diện về cả tâm, thể và trí. Tại lứa tuổi này, trẻ có khả năng hấp thụ nhanh, dễ dàng tiếp xúc và làm quen với kiến thức mới mỗi ngày. Tuy nhiên, đặc điểm tâm lý của trẻ là hiếu động, muốn khám phá và nhanh chóng chán chường nếu cảm thấy không hứng thú. Do đó, việc tạo nên một môi trường học tập thú vị, sáng tạo và phù hợp với từng cá nhân trở nên vô cùng quan trọng.

Đứng trước yêu cầu thực tiễn tôi đặt ra vấn đề cần được giải quyết đó là:

Cần phải tìm kiếm các giải pháp nâng cao hứng thú, cải thiện chất lượng học tập cho các em học sinh là vô cùng cần thiết. Đây cũng chính là động lực thôi thúc tôi thực hiện SKKN này.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề:

Thực tế dạy học cho thấy: Với việc tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy sự phát triển kỹ thuật, văn hóa, Đảng và Nhà nước đã không ngừng nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Giáo dục không chỉ giúp nâng cao trình độ tri thức, kỹ năng của người dân, mà còn là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng một xã hội văn minh, hiện đại và bền vững. Đó là lý do vì sao giáo dục luôn được coi là "quốc sách hàng đầu" trong chính sách phát triển của đất nước.

Từ cơ sở trên, giáo viên cần phải luôn cập nhật, đổi mới phương pháp giảng dạy để tạo ra một môi trường học tập lý tưởng, giúp học sinh không chỉ học mà còn yêu môn Tiếng Việt. Để có hứng thú học môn Tiếng Việt, giáo viên cần tạo ra những bài giảng sinh động, sáng tạo và thực tế. Thay vì chỉ dạy theo sách giáo trình, giáo viên có thể kết hợp với các phương tiện truyền thông khác như video, trò chơi, truyện kể, hoặc thậm chí là các bài thực hành ngoại khóa,... Bởi, giáo dục không chỉ là việc truyền đạt kiến thức mà còn là việc đào tạo tâm hồn, phát triển kỹ năng sống và tạo ra những con người toàn diện. Vì vậy, việc dạy môn Tiếng Việt không chỉ nên nhấn mạnh vào việc học thuộc lòng mà còn phải giúp học sinh nhận ra giá trị thực sự của nó trong cuộc sống.

- Ban giám hiệu nhà trường đã hỗ trợ, mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng cần thiết. Lớp học có đầy đủ cơ sở vật chất, có đầy đủ tivi, màn hình phục vụ trong quá trình giảng dạy.

- Đa số phụ huynh ngày nay không chỉ quan tâm đến việc học của con mình mà còn tích cực tham gia và hỗ trợ trường học. Nhờ có sự nhiệt tình và nhận thức cao từ phụ huynh, môi trường giáo dục trở nên thân thiện và hiệu quả hơn.

- Với lòng nhiệt huyết, giáo viên đã không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời luôn tìm kiếm và tiếp cận các nguồn tài liệu mới để phục vụ cho quá trình dạy học của mình.

Dưới đây là một số giải pháp tôi đã nghiên cứu và tiến hành.

2.1. Vận dụng hiệu quả phương pháp trực quan để cải thiện hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh

Sử dụng đồ dùng trong dạy - học Tiếng Việt nhằm mục đích giúp cho giờ dạy đạt hiệu quả cao hơn. Hoạt động học sinh tham gia quá trình sử dụng đồ dùng dạy học, điều chủ yếu là bồi dưỡng cho các em phương pháp suy nghĩ, diễn tả, nghiên cứu phương pháp, giải quyết vấn đề. Để phát huy hết tác dụng của đồ dùng dạy học, điều quan trọng nhất là phải xác định đúng các tình huống sư phạm, phù hợp với đặc trưng bộ môn, trong từng tiết học cụ thể. Tình huống sư phạm sẽ quy định thời điểm, phương pháp và mức độ khai thác nội dung các đồ dùng dạy học trong quá trình lên lớp. Hoạt động nhận thức của học sinh từ chưa biết đến hiểu biết, đến kỹ năng, kỹ xảo và vận dụng vào thực tiễn. Lê-Nin đã từng khẳng định con đường biện chứng của nhận thức là : “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Đó là con đường biện chứng của dẫn chứng chân lý, nhận thức hiện thực khách quan”.

Sử dụng đồ dùng dạy học trực quan trong quá trình dạy học là con đường kết hợp chặt chẽ giữa cái cụ thể và cái trừu tượng, bằng hành động vật chất, bằng ngôn ngữ bên ngoài tác động vào cảm giác để chuyển thành ngôn ngữ bên trong phù hợp với đặc điểm của học sinh Tiểu học đặc biệt là học sinh lớp 4. Trên cơ sở đó, hình thành các khái niệm, định luật, luận thuyết khoa học. Giáo viên có thể sử dụng đồ dùng dạy học trực quan trong quá trình giảng dạy phân môn đọc, nói và nghe,... để cải thiện và nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

Ví dụ 1: Để khơi gợi hứng thú học tập của học sinh khi dạy học sinh đến phân môn đọc của **Bài 3: Anh em sinh đôi, trang 16, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**, bên cạnh nội dung và hình ảnh trong sách giáo khoa, tôi đã tìm thêm các hình ảnh về anh em, chị em sinh đôi cho học sinh quan sát và dẫn dắt các em vào bài học.



Ví dụ 2: Khi dạy học sinh đến phân môn đọc của ***Bài 5: Thần lằn và tắc kè, trang 23, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống***, tôi đã chuẩn bị thêm video về hai con vật là thần lằn và tắc kè để học sinh theo dõi, sau đó dẫn dắt các em vào khai thác nội dung về môi trường sống cũng như thói quen của hai con vật này thông qua các câu hỏi gợi ý:

- Sau khi quan sát video, em thấy thần lằn khác tắc kè ở điểm nào?
- Môi trường sống của thần lằn là gì?
- Môi trường sống của tắc kè là gì?
- Thói quen của thần lằn và tắc kè ra sao?



Sau khi áp dụng đồ dùng dạy học trực quan vào giảng dạy môn Tiếng Việt cho các em học sinh lớp 4, tôi nhận thấy thái độ học tập của các em đã có sự thay đổi rõ rệt. Trước khi áp dụng phương pháp trực quan, việc dạy và học môn Tiếng Việt thường khá truyền thống. Các em thường chỉ là những người ngồi nghe, ít có cơ hội thực sự trải nghiệm và tương tác với bài học. Tuy nhiên, sau khi áp dụng đồ dùng dạy học trực quan, tôi nhận ra rằng môi trường học tập trở nên sinh động và thú vị hơn nhiều. Các đồ dùng giúp minh họa rõ ràng những khái niệm, từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp mà trước đây các em thường gặp khó khăn. Điều này không chỉ giúp tăng cường sự hiểu biết mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phê phán.

2.2. Nâng cao hứng thú học tập thông qua việc tổ chức trò chơi học tập trong tiết học Luyện từ và câu cho học sinh

Trong tiết học Luyện từ và câu, việc áp dụng trò chơi học tập không chỉ giúp các em thoát khỏi cảm giác mệt mỏi, căng thẳng mà còn tạo ra một môi trường học tập trực quan, sinh động và thú vị. Trò chơi học tập giúp học sinh thực hành và vận dụng kiến thức một cách linh hoạt, khám phá ra những điểm mới mẻ từ bài học và thậm chí là từ chính bản thân họ. Khi học sinh được tham gia vào trò chơi, họ không chỉ đơn thuần là người tiếp nhận kiến thức, mà còn trở thành những

người thực hiện, những người tạo ra và thể hiện sự sáng tạo của mình. Điều này giúp các em có cơ hội phát triển tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề và cải thiện kỹ năng giao tiếp. Qua đó, việc học không còn là gánh nặng mà trở thành niềm vui, một cuộc phiêu lưu khám phá tri thức đầy thách thức và bất ngờ.

Muốn tổ chức hoạt động vui chơi có hiệu quả, đòi hỏi người giáo viên phải nắm vững mục tiêu vì đó cũng chính là mục tiêu của việc tổ chức hoạt động vui chơi. Hoạt động vui chơi cho học sinh tiểu học muốn có chất lượng tốt cần phải hiểu một số đặc điểm tâm sinh lí của trẻ ở lứa tuổi này. Đặc điểm tâm sinh lí của trẻ vừa là cơ sở của việc xác định mục tiêu, nội dung hoạt động vui chơi, vừa là điều kiện để lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.

Ví dụ 1: Khi dạy học sinh phân môn Luyện từ và câu ở **Bài 3: Danh từ chung danh từ riêng, trang 18, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**, tôi đã tổ chức trò chơi “Phân từ tiếp sức” để nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

* Mục tiêu: Giúp học sinh có khả năng phân biệt các kiểu từ trong Tiếng Việt, rèn tính nhanh nhẹn chính xác.

* Chuẩn bị: Học sinh chuẩn bị phần.

* Cách chơi: Chơi theo đội, mỗi tổ học tập là một đội, tất cả các em đều tham gia trò chơi. Giáo viên cho các em xếp thành các hàng dọc trước bảng lớp đúng với cột được phân chia trên bảng khi có lệnh của giáo viên, học sinh tiếp sức nhau ghi các từ chỉ danh từ riêng, danh từ chung theo yêu cầu của giáo viên đưa ra một cách ngẫu nhiên. Sau thời gian 3 phút đội nào ghi được nhiều từ và đúng thì đội đó thắng.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG

1. Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp.


 Hà Nội


 Chu Văn An


 Trần Thị Lý


người


sông


 Bạch Đằng


 Cửu Long


 Cần Thơ


thành phố

Ví dụ 2: Khi dạy học sinh phân môn Luyện từ và câu ở **Bài 9: Động từ, trang 41, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**, tôi đã tổ chức trò chơi “Tìm kiếm động từ - Khai phá tri thức” để nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

* Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố mở rộng thêm từ, tích lũy được vốn từ về động từ, giúp học sinh phát huy tính chủ động và tự tin .

* Chuẩn bị: Giáo viên chuẩn bị một số bức tranh có nội dung liên quan đến động từ, bảng nhóm, bút lông.

* Cách chơi: Giáo viên chia học sinh thành 4 nhóm. Sau khi treo các bức tranh lên bảng, các nhóm sẽ có thời gian 5 phút để quan sát và ghi lại các động từ có trong bức tranh. Kết thúc thời gian, nhóm nào tìm được nhiều từ chỉ động từ chính xác hơn sẽ dành chiến thắng.



Sau thời gian tăng cường tổ chức trò chơi trong giờ dạy học tiếng Việt, tôi đã nhận ra những thay đổi tích cực từ phía học sinh. Trò chơi không chỉ giúp học sinh nắm bắt kiến thức nhanh hơn mà còn giúp các em tìm thấy niềm vui, sự hứng thú trong quá trình học. Các em tranh thủ mỗi phút giây để tham gia, thể hiện mình và đạt được điểm số cao nhất. Những trò chơi như "Ai nhanh hơn", "Đoán từ", "Kết hợp câu"... Điều này không chỉ giúp học sinh nắm bắt từ vựng, ngữ pháp mà còn giúp họ hiểu biết thêm về văn hóa, truyền thống của người Việt.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin để tạo không khí học tập vui vẻ, thoải mái trong hoạt động Nói và nghe

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình học tập đã mở ra những hướng tiếp cận mới mẻ, giúp không khí trong lớp học trở nên sinh động và thú vị hơn. Đặc biệt trong hoạt động nói và nghe, việc sử dụng công nghệ đã tạo nên những trải nghiệm mới lạ, giúp học viên thoát khỏi áp lực, nâng cao động lực học tập. Trong hoạt động nói và nghe, đòi hỏi giáo viên vừa biết các thể hiện nội dung bài học, câu chuyện một cách hấp dẫn, vừa biết dạy cho học sinh tập nói, tập kể và phát triển ngôn ngữ, tập dùng ngôn ngữ của bản thân để diễn tả.

Qua mỗi tiết kể chuyện, học sinh được tiếp xúc với một văn bản truyện kể khá lý thú, cảm nhận được nội dung và thu hoạch được những bài học bổ ích... nhưng điều quan trọng hơn là các em học được cách dùng từ ngữ, câu văn để diễn đạt một ý, liên kết các ý trong một đoạn, một bài. Đây chính là yêu cầu rèn kỹ năng nói cho học sinh. Vì vậy để giúp các em mạnh dạn, tự tin, thoải mái trong giờ học tôi thường tạo ra không khí gần gũi, cởi mở, ứng dụng CNTT để đưa ra những bức tranh ảnh, video để thu hút sự chú ý và nâng cao hứng thú học tập cho các em.

Ví dụ: Khi dạy học sinh phân môn Nói và nghe ở **Bài 6: Kể chuyện Bốn anh tài, trang 26, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**, giáo viên có thể ứng dụng CNTT, internet để tổ chức cho học sinh “Lồng tiếng cho video” theo quy trình sau:

- Bước 1: Giáo viên vận dụng CNTT, Internet để tìm kiếm video về câu chuyện Bốn anh tài.
- Bước 2: Giáo viên cho học sinh xem video sau đó hướng dẫn các em về cách kể, giọng điệu, nội dung chính của câu chuyện.
- Bước 3: Giáo viên tắt tiếng của video và thực hiện kể mẫu.
- Bước 4: Giáo viên chia học sinh thành các nhóm và luyện tập kể chuyện theo video trong vòng 10 phút.
- Bước 5: Các nhóm lần lượt lên trình bày phần thi của mình. Các nhóm khác sẽ quan sát và đưa ra nhận xét.

- Bước 6: Giáo viên nhận xét, chấm điểm cho các nhóm và chuẩn hóa kiến thức.



BỐN ANH TÀI







Kể chuyện: BỐN ANH TÀI | Tiếng Việt 4 | Kết nối tri thức với cuộc sống

Nhờ vào các phần mềm, ứng dụng và các nền tảng trực tuyến mà giờ học Tiếng Việt không còn giới hạn trong không gian của lớp học truyền thống. Các bài giảng trực quan, âm thanh sống động, video minh họa giúp tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Nói và nghe. Biện pháp này đã giúp cho học sinh có cơ hội trải nghiệm và tương tác với ngôn ngữ một cách tự nhiên nhất.

2.4. Tăng cường hoạt động thảo luận, làm việc theo nhóm để nâng cao hứng thú và tinh thần học tập cho học sinh.

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc tăng cường hoạt động thảo luận và làm việc theo nhóm đã trở nên cực kỳ quan trọng. Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và hợp tác mà còn giúp tạo ra một môi trường học tập sinh động, thực tế và đầy hứng thú. Khi học sinh được tham gia vào các nhóm thảo luận, học sinh có cơ hội đưa ra quan điểm cá nhân, đối diện với những ý kiến khác biệt và tìm hiểu cách tiếp tục và đạt được sự đồng lòng trong nhóm. Điều này không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn về nội dung học mà còn giáo dục học sinh về tầm quan trọng của việc làm việc nhóm và tìm hiểu từ các quan điểm khác nhau.

Ngoài ra, làm việc theo nhóm cũng giúp tăng cường tinh thần đồng đội, tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi mà mỗi học sinh cảm thấy mình là một phần quan trọng của cộng đồng học tập. Từ đó các em sẽ cảm thấy hứng thú, có trách nhiệm hơn với việc học và tham gia tích cực hơn vào quá trình học. Do vậy, khi giảng dạy môn Tiếng Việt cho các em học sinh lớp 4, tôi cũng tích cực tổ chức các hoạt động thảo luận, làm việc theo nhóm cho các em.

Ví dụ 1: Khi dạy học sinh phân môn Đọc ở **Bài 7: Những bức chân dung, trang 26, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**, thay vì hướng dẫn các em học sinh đọc và tìm hiểu nội dung bài học tôi sẽ chia nhóm và tổ chức sân khấu hóa bài đọc cho các em.



Với hoạt động sân khấu hóa này, tôi sẽ chia học sinh thành các nhóm và dặn dò các nhóm nghiên cứu trước bài học 1 tuần. Mỗi nhóm sẽ bầu ra nhóm trưởng, thư ký, đồng thời phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm. Các nhóm sẽ cùng nhau luyện tập, đóng vai thành các nhân vật trong bài đọc. Đến tiết Đọc, giáo viên sẽ mời đại diện của các nhóm lên bốc thăm trình diễn. Nhóm nào được bầu chọn có phần trình diễn tốt nhất sẽ nhận được một phần thưởng nhỏ.

Ví dụ 2: Khi dạy học sinh phân môn Đọc ở **Bài 1: Điều kỳ diệu, trang 26, Tiếng Việt 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**, để giúp các em có thêm hứng thú học tập cũng như ghi nhớ nội dung của bài thơ một cách nhanh chóng

và tự nhiên nhất, tôi đã tổ chức cho học sinh luyện đọc bài theo nhóm. Sau khi luyện tập xong, tôi sẽ gọi ngẫu nhiên các nhóm đứng lên đọc bài theo những đoạn thơ mà tôi chỉ định. Chẳng hạn:

Nhóm 1: đọc đoạn thơ:

Bạn có thấy lạ không
Mỗi đứa mình một khác
Cùng ngân nga câu hát
Chẳng giọng nào giống nhau.

Nhóm 4: đọc đoạn thơ tiếp theo:

Có bạn thích đứng đầu
Có bạn hay giận dỗi
Có bạn thích thay đổi
Có bạn nhiều ước mơ.



Hoạt động cứ diễn ra như vậy cho đến hết bài thơ. Nhờ vào hoạt động luyện đọc theo nhóm mà rất nhiều học sinh trong lớp đã có sự cải thiện kỹ năng đọc, trong quá trình luyện tập các em sẽ chủ động sửa sai cho nhau và giúp nhau học tập tốt hơn. Qua đó không chỉ giúp học sinh có thêm kiến thức mà còn giúp các em rèn luyện thêm các kỹ năng sống như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác,...

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị:

Để đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh sau một năm áp dụng các giải pháp trên, tôi đã làm một cuộc khảo sát và kết quả đạt được như sau:

Thời gian	Sĩ số	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
Đầu năm	42hs	8hs = 19,2%	27hs = 64,2%	7hs = 16,6%
Cuối năm	42hs	22hs = 52,4%	20hs = 47,6%	0

Qua kết quả khảo sát trên có thể thấy rằng khi áp dụng các phương pháp mới chất lượng học tập môn Tiếng Việt của các em đã có hiệu quả. Chất lượng đội tuyển học sinh giỏi môn Tiếng Việt được nâng cao. các em học sinh đã có tinh thần, hứng thú và yêu thích với môn Tiếng Việt. Chính vì thế trong đợt thi đấu trường Toán VioEdu và Tiếng Việt VioEdu cấp trường lớp tôi có 2 học sinh đạt giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải ba còn thi Toán VioEdu và Tiếng Việt VioEdu cấp huyện lớp tôi có 1 học sinh đạt giải ba, 1 học sinh đạt KK. Đây là kết quả vô cùng đáng mừng và là minh chứng rõ ràng nhất cho sự thành công của sáng kiến.

3.1. Kết luận.

Môn tiếng Việt không chỉ là một công cụ truyền đạt thông tin, mà còn là biểu tượng cho bản sắc văn hóa, lịch sử và tình yêu quê hương của mỗi người dân Việt Nam. Qua tiếng Việt, chúng ta có thể hiểu sâu sắc hơn về giá trị văn hóa, các tác phẩm văn học điển hình và niềm tự hào dân tộc. Một người nắm vững ngôn ngữ mẹ đẻ sẽ có khả năng diễn đạt ý tưởng, cảm xúc một cách chính xác, sáng tạo và giàu nội lực.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự lan rộng của các ngôn ngữ nước ngoài, nhiều học sinh có xu hướng mất hứng thú với môn tiếng Việt, cho rằng nó không cần thiết hoặc không mang lại lợi ích thực tế. Điều này thực sự đáng buồn, vì không chỉ làm mất đi những giá trị văn hóa, mà còn ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp và tư duy của học sinh.

Chính vì vậy, việc tìm ra các biện pháp nâng cao hứng thú học tập tiếng Việt cho học sinh trở nên vô cùng quan trọng. Để làm được điều này, giáo viên và các bên liên quan cần sáng tạo trong phương pháp giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết

và thực hành, giữa truyền thống và đổi mới. Việc áp dụng công nghệ, sử dụng các phương tiện trực quan hay tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tham quan, dự thi, biểu diễn có liên quan đến tiếng Việt cũng sẽ góp phần tạo ra sự hứng thú cho học sinh.

3.2. Bài học kinh nghiệm.

Để nâng cao chất lượng dạy Tiếng Việt lớp 4 và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng toàn diện ở trường Tiểu học và đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục, theo tôi người giáo viên cần phải:

- Người giáo viên phải tâm huyết với nghề, yêu nghề, yêu trẻ có ý thức tự học tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ cho bản thân.

- Việc cần làm ngay sau khi nhận công tác việc giáo viên cần làm là nắm được năng lực học sinh và phân loại học sinh theo năng lực để có những biện pháp giáo dục phù hợp.

- Giáo viên phải rèn luyện cho các em các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, củng cố vững chắc nội dung bài học cho các em.

- Sắp xếp bài tập theo từng dạng bài với mức độ nâng cao dần phù hợp với sự nhận thức của các em để giúp các em đi từng bước từ dễ đến khó. Sau mỗi bài cần củng cố kiến thức, để học sinh ghi nhớ nội dung bài học.

- Giáo viên phải thường xuyên vận dụng các biện pháp tích cực trong khi dạy và khuyến khích học sinh ham học môn Tiếng Việt.

- Sự kết hợp chặt chẽ với phụ huynh sẽ giúp cho chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao.

4. Hiệu quả của sáng kiến:

4.1. Hiệu quả về khoa học: Sáng kiến kinh nghiệm là những vấn đề có cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn, đặc trưng môn học của giáo dục tiểu học, tâm sinh lý lứa tuổi, áp dụng những phương pháp, hình thức dạy học tích cực, phát huy năng lực học cho học sinh.

4.2. Hiệu quả về kinh tế: Giải pháp nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt. Nâng cao được chất lượng và hiệu quả của năng lực tự học cho học sinh lớp 4. Từ đó đem lại hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp, góp phần đem lại hiệu quả tích cực với cả giáo viên và học sinh.

4.3. Hiệu quả về xã hội: Giúp học sinh phát huy được tính tích cực chủ động của bản thân, rèn kỹ năng làm việc tập thể. Khi áp dụng một số biện pháp nâng cao hứng thú học tập trong dạy học Tiếng Việt góp phần thúc đẩy sự tích cực học tập, tính trách nhiệm của cá nhân, tạo ra môi trường học tập mang tính tập thể. Khi giải quyết vấn đề trong quá trình hoạt động nhóm, học sinh hình thành năng lực tự chủ, tự học, năng lực hợp tác và giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, từ đó chiếm lĩnh kiến thức một cách nhẹ nhàng, vững chắc.

Đây cũng là những kỹ năng, phẩm chất cơ bản cần thiết cho cuộc sống sau này của các em, là tiền đề quan trọng cho các em khi tham gia vào môi trường làm việc tập thể.

5. Tính khả thi:

Qua thời gian áp dụng biện pháp mới vào chương trình giảng dạy của mình, tôi nhận thấy biện pháp này mang lại hiệu quả khá tốt, cụ thể:

- Các em học sinh đã chủ động, tham gia các buổi học đầy đủ, đúng giờ, hầu hết các em đều giữ được tinh thần, thái độ và tác phong tốt trong suốt buổi học môn Tiếng Việt.

- Không chỉ trang bị kiến thức cho học sinh, biện pháp mới còn giúp các em phát triển kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp hiệu quả, và tự quản lý thời gian. Điều này giúp học sinh sẵn sàng hơn cho các vấn đề thực tế sau này, không chỉ trong lĩnh vực Tiếng Việt mà còn trong cuộc sống.

- Kết quả học tập môn Tiếng Việt của các em được cải thiện, các em hình thành được niềm yêu thích đối với bộ môn.

- Trong tiết học Tiếng Việt các em không còn uể oải hay mất tập trung mà hăng hái phát biểu, xây dựng bài và tương tác nhiều hơn với bạn bè và giáo viên.

- Các em đã học hiểu bài trước khi làm bài tập và chủ động hoàn thiện bài tập về nhà trước khi vào học.

- Giải pháp đã được áp dụng có hiệu quả và có khả năng nhân rộng.

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:

Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến:

Kinh phí thực hiện: 800 000 đồng.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

Để sáng kiến được hoàn thiện và thành công hơn trong tương lai, tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

- Về phía nhà trường: Ban lãnh đạo nhà trường cần tập trung tạo điều kiện để giáo viên có thể nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất cho công tác dạy và học môn Tiếng Việt.

- Về phía giáo viên: Giáo viên cần nỗ lực, đổi mới phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa các hoạt động của môn học, thường xuyên quan tâm, động viên và khuyến khích học sinh của mình.

- Về phía phụ huynh học sinh: Các bậc cha mẹ cần hết sức lưu tâm đến công việc học tập của các con, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các con có thể tiếp thu kiến thức và phát triển tư duy.

Trên đây là một số kinh nghiệm tôi đúc rút được qua quá trình giảng dạy môn Tiếng Việt. Trong quá trình nghiên cứu, trình bày không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tôi rất mong được sự đóng góp ý kiến của Hội đồng khoa học các cấp để đề tài của tôi được hoàn thiện hơn, để chất lượng môn Tiếng Việt của học sinh ngày một nâng cao hơn.

Tôi xin cam đoan SKKN là do chính tôi đã nghiên cứu và trình bày, không sao chép nội dung của người khác. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Đồng Thái, ngày 19 tháng 4 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người viết sáng kiến

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Thị Hường

SAU ĐÂY LÀ MINH CHỨNG KẾT QUẢ BÀI LÀM
CỦA HỌC SINH LỚP TÔI:

Bài của em Hoàng Bảo An



Bài 3 (Trang 18)

Tìm các danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn dưới đây:

Kim Đồng là người anh hùng nhỏ tuổi của Việt Nam. Anh tên thật là Nông Văn Dền (có nơi viết là Nông Văn Dền), quê ở thôn Hà Ma, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Trong lúc làm nhiệm vụ liên lạc cho cán bộ cách mạng, anh đã anh dũng hi sinh. Khi đó, anh vừa tròn 14 tuổi.

- Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, nơi, quê, thôn, xã, huyện, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội.

- Danh từ riêng: Kim Đồng, Việt Nam, Nông Văn Dền, Nông Văn Dền, Hà Ma, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng.

Bài làm tốt, tìm đúng các danh từ chung và danh từ riêng. Có khen

Bài của em Phùng Chu An Nhiên



Bài 2 (trang 57)

Tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc trong đoạn văn sau:

Mẹ ơi!

Con nhớ mẹ quá! Sao mẹ đi công tác lâu về thế? Cối nào em Chi cũng khóc đòi mẹ. Con thương em lắm. Chúng con rất mong mẹ về.

Hôm nay, con vừa giành được giải Nhất cuộc thi cò vua mẹ ạ. Ai cũng khâm phục con. Còn con, con rất biết ơn bác Dũng đã dạy con học cò. Thế mà ngày xưa khi mới học cò, con ghét môn này thế. Con còn dối mẹ vì mẹ cứ thuyết phục con học. Bây giờ con thích cò vua lắm.

Mai con lại nhắn tin tiếp cho mẹ nhé! Con yêu mẹ!

Con gái

Bài làm rất tốt, tìm đúng các động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc. Cô khen

Trên đây là minh chứng 2 bài mẫu tìm danh từ chung và danh từ riêng và bài tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc. Kết quả bài làm của các em rất tốt, các em đã tìm được đúng danh từ chung, danh từ riêng, động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc trong đoạn văn.

ĐÂY LÀ HÌNH ẢNH TIẾT DẠY TIẾNG VIỆT CỦA LỚP TÔI

